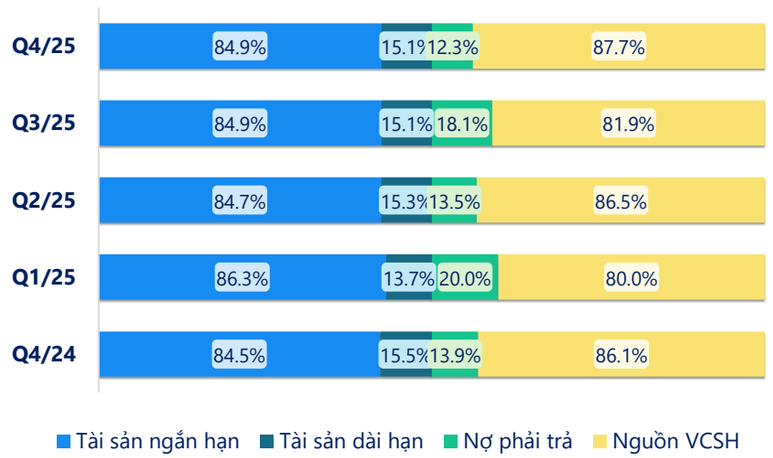
FireAnt

CTCP Thương mại và Sản xuất Lập Phương Thành (UPCOM: LPT)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	5,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,249
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,153
SL cổ phiếu LH	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,725
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	70
P/E	7.6
EPS	759

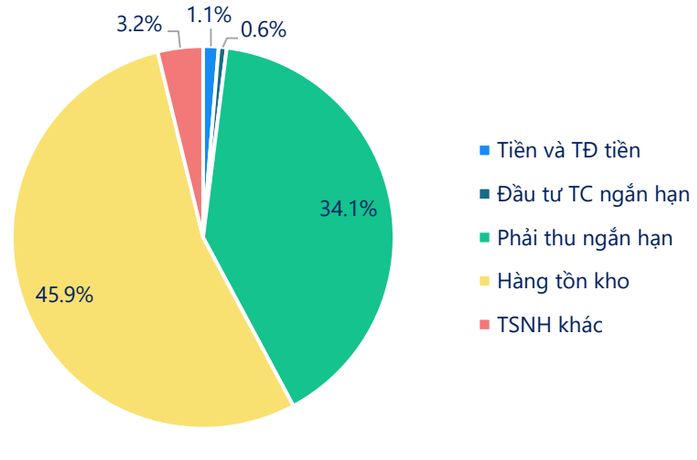
	YTD	1T	3T	6T
LPT	10.7%	1.8%	-6.5%	-0.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



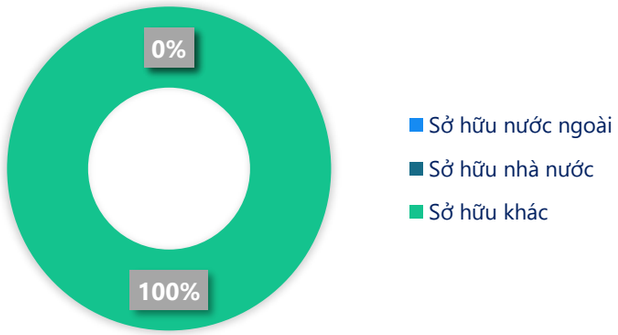
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



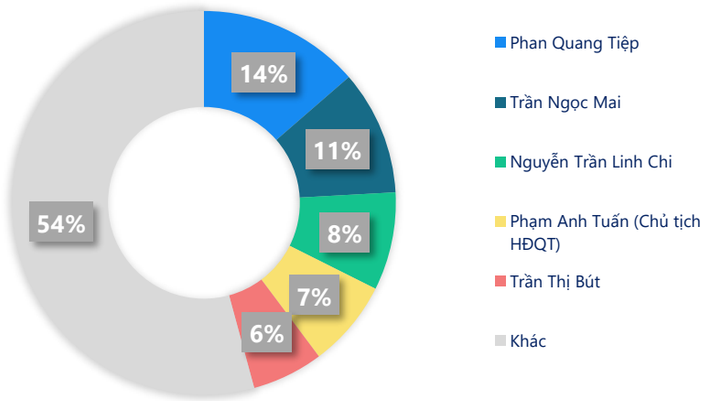
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



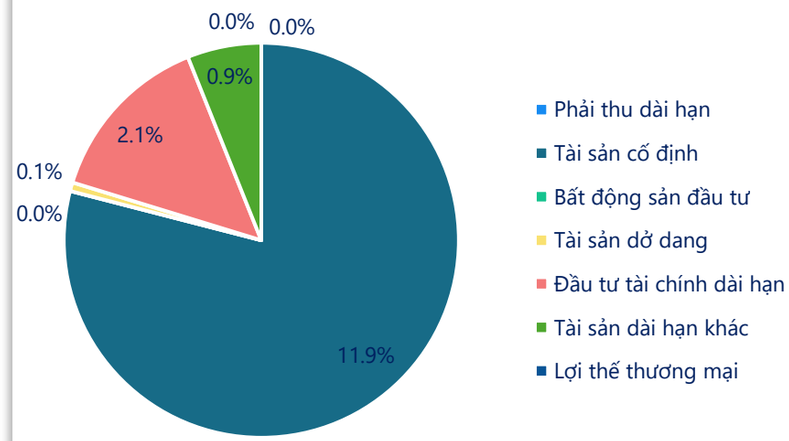
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

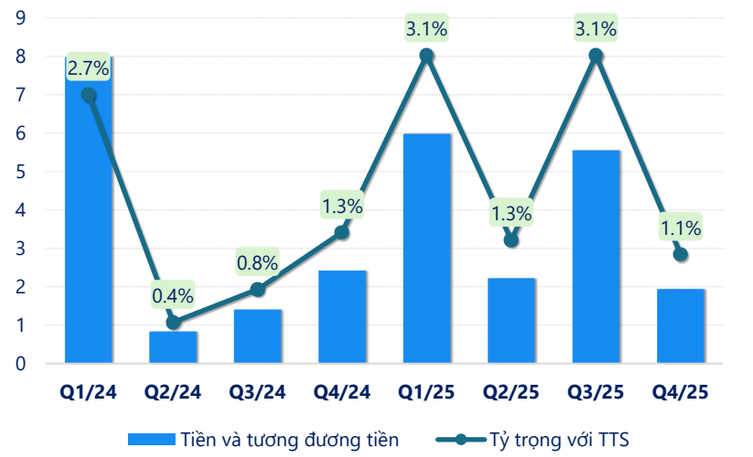


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

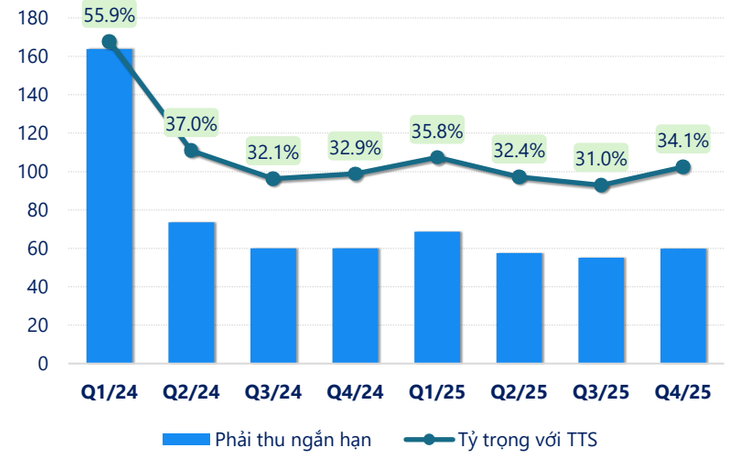
CTCP Thương mại và Sản xuất Lập Phương Thành (UPCOM: LPT)

Tiền và tương đương tiền



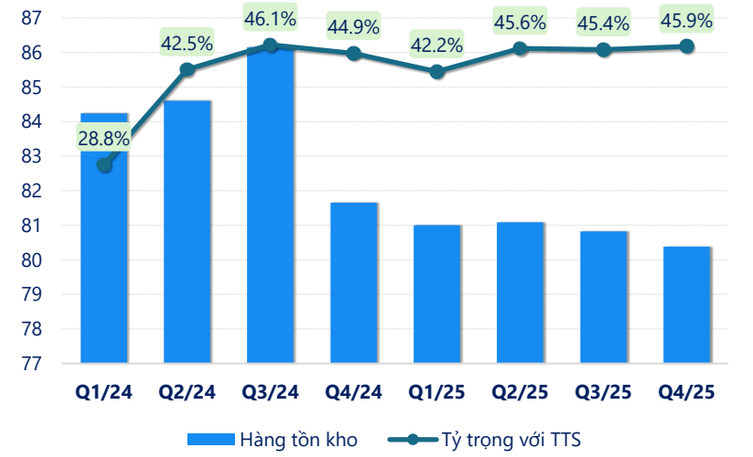
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



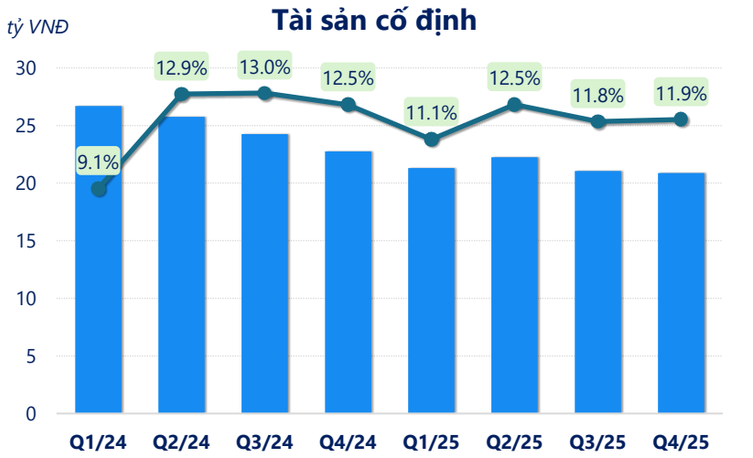
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



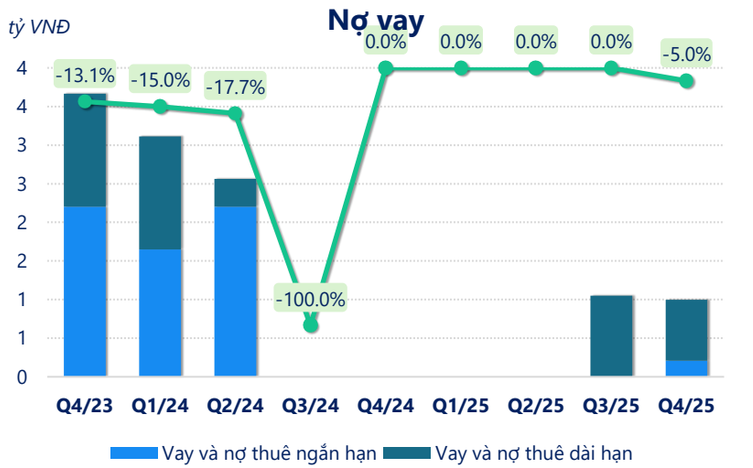
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



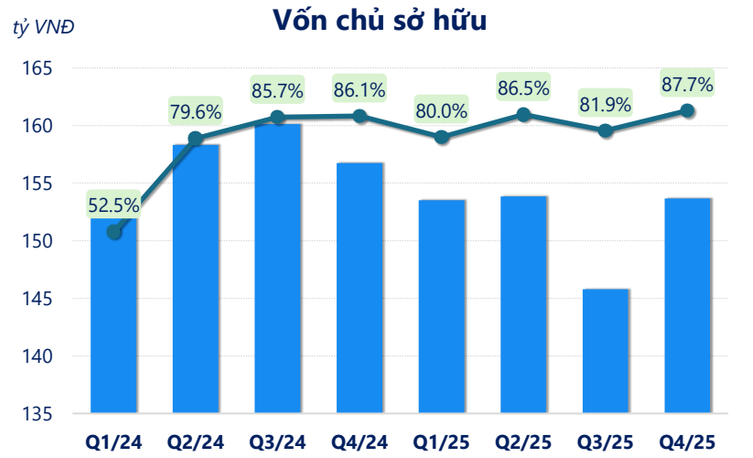
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



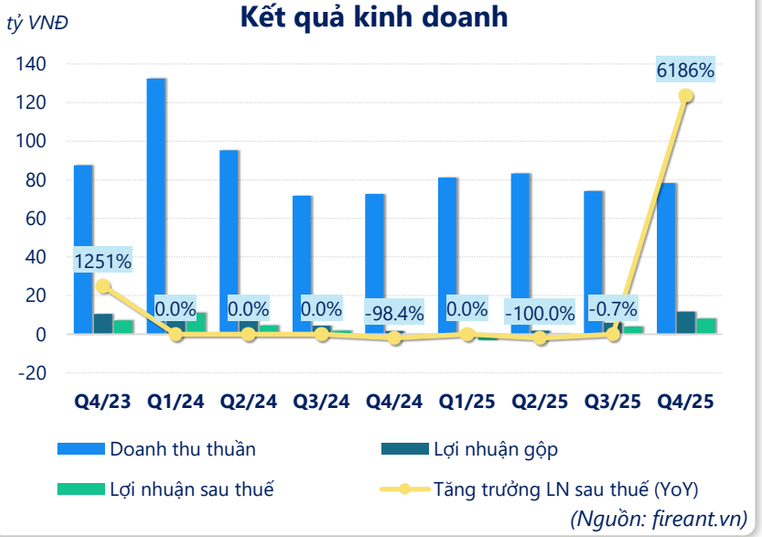
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

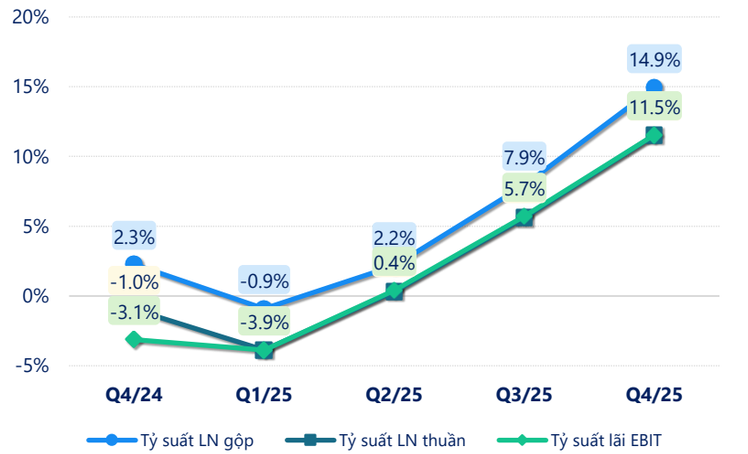
CTCP Thương mại và Sản xuất Lập Phương Thành (UPCOM: LPT)

Kết quả kinh doanh



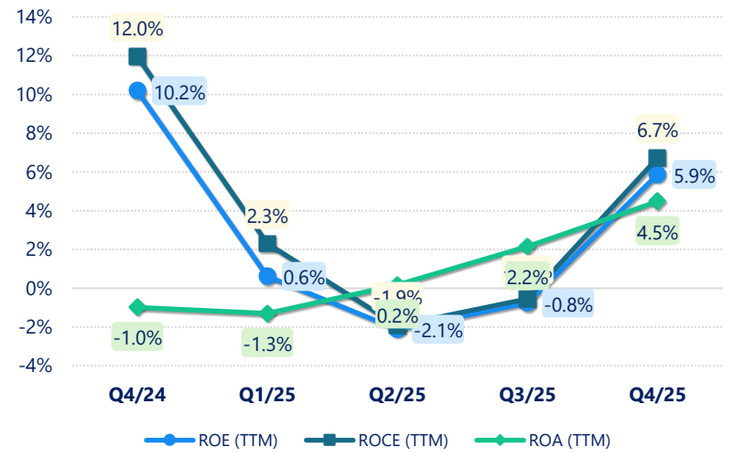
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



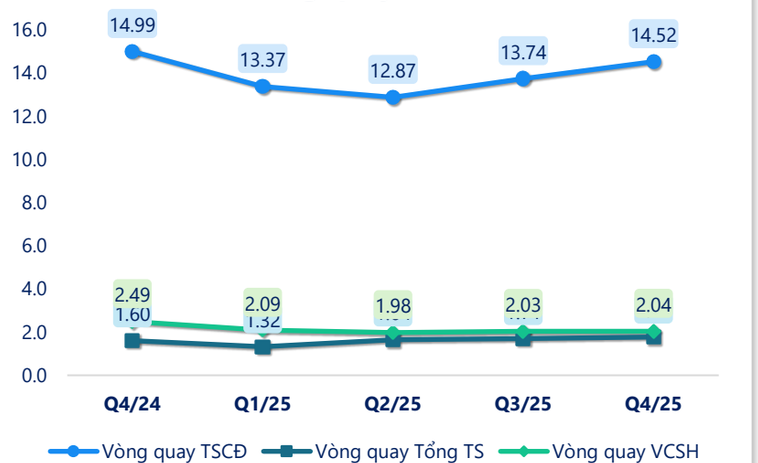
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



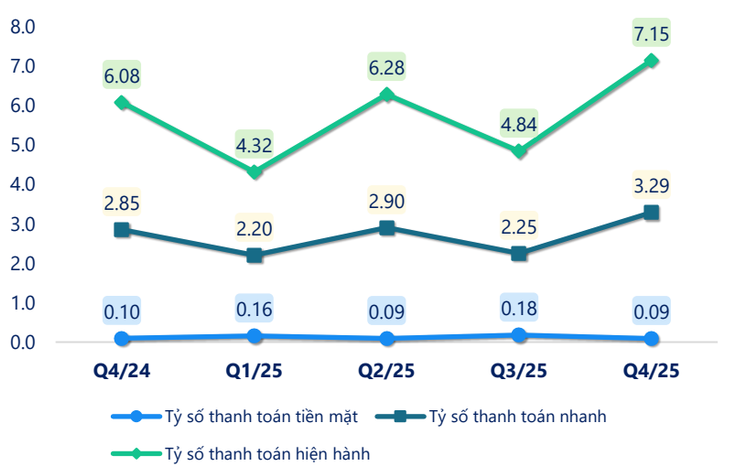
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



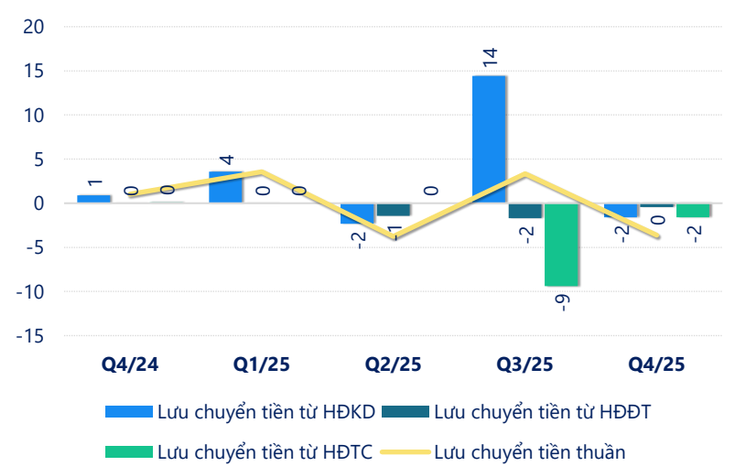
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Thương mại và Sản xuất Lập Phương Thành (UPCOM: LPT)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**175**	**183**	**-4.2%**
Tài sản ngắn hạn	149	155	-3.7%
Tiền và tương đương tiền	1.94	2.42	-19.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.00	1.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	59.8	60.9	-1.7%
Hàng tồn kho	80.4	81.7	-1.5%
Tài sản ngắn hạn khác	5.69	8.73	-34.8%
Tài sản dài hạn	**26.4**	**28.2**	**-6.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	20.9	22.8	-8.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.19	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	3.75	3.75	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.60**	**1.71**	**-6.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	21.6	26.2	-17.6%
Nợ ngắn hạn	**20.8**	**26.2**	**-20.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.21	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.22	15.0	-51.7%
Nợ dài hạn	0.79	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0.79	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**154**	**157**	**-1.9%**
Vốn chủ sở hữu	**154**	**157**	**-1.9%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	72.7	81.1	83.2	74.1	78.3
Giá vốn hàng bán	71.0	81.9	81.4	68.2	66.6
Lợi nhuận gộp	1.64	-0.74	1.80	5.88	11.7
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.30	0.01	0.00
Chi phí TC	0	0	0	0.02	0.02
Chi phí lãi vay	0	0	0	0.02	0.02
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.37	0.39	0.21	0.27	0.34
Chi phí QLDN	1.99	2.02	1.63	1.45	2.31
LN thuần từ HĐKD	-0.71	-3.14	0.26	4.15	9.02
Lợi nhuận khác	-1.56	0.00	0.08	0.06	0.00
LN trước thuế	-2.27	-3.15	0.33	4.21	9.02
Lợi nhuận sau thuế	-2.29	-3.15	0.33	3.93	7.99
LNST của CĐ cty mẹ	-2.29	-3.15	0.33	3.93	7.99

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.90	3.56	-2.34	14.4	-1.59
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0.00	-1.42	-1.70	-0.42
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.11	0	0	-9.38	-1.60
Tiền đầu kỳ	1.40	2.42	5.98	2.22	5.55
Lưu chuyển tiền thuần	**1.01**	**3.57**	**-3.76**	**3.33**	**-3.61**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.42	5.98	2.22	5.55	1.94

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic